

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TỰ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIAN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 43

39
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG VÀ CÁC CÔNG TY CON
KIÊN GIANG
HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Kiên Giang trước đây là Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư và Xây Dựng Kiên Giang được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000055 ngày 28 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Kiên Giang cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 04 năm 2016.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần gần đây nhất là 276.000.000.000 VND.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thọ Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Hiên	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Văn Lợi	Thành viên
Ông Trương Anh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Trọng Ngọc	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Diệu Trâm	Thành viên
Ông Trương Thanh Hiếu	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 24/03/2016
Ông Nguyễn Hữu Hoài Phương	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 24/03/2016
Ông Nguyễn Ngọc Hiên	Thành viên – Từ nhiệm ngày 24/03/2016
Ông Võ Văn Tuấn	Thành viên – Từ nhiệm ngày 24/03/2016

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Như Phương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Bích Nghĩa	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 24/03/2016
Ông Nguyễn Văn Út	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 24/03/2016
Ông Nguyễn Thành Tín	Thành viên – Từ nhiệm ngày 24/03/2016
Bà Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên – Từ nhiệm ngày 24/03/2016

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thọ Thắng	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Quỳnh Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Từ Văn Liêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Trường	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Như Phương	Phó Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm ngày 01/07/2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trần Thọ Thắng
Tổng giám đốc

Kiên Giang, ngày 25 tháng 08 năm 2016

Số: 17.111-HN/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 08 năm 2016, từ trang 5 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2013-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2016

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.3 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TỰ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.355.249.916.988	1.099.055.310.478
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	42.947.698.186	37.468.260.194
1. Tiền	111		42.947.698.186	36.960.260.194
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	508.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		491.939.293	371.374.633
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	491.939.293	371.374.633
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		512.139.003.928	599.577.046.696
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	99.331.875.513	134.978.328.070
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		29.387.553.250	27.238.627.055
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	387.772.944.038	441.897.286.112
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.353.368.873)	(4.537.194.541)
IV. Hàng tồn kho	140		787.927.567.476	461.059.458.842
1. Hàng tồn kho	141	5.5	787.927.567.476	461.059.458.842
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.743.708.105	579.170.113
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		190.994.076	518.601.606
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.11	11.513.382.341	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	39.331.688	60.568.507
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		213.595.046.133	177.789.301.231
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.261.973.819	18.261.973.819
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	18.261.973.819	18.261.973.819
II. Tài sản cố định	220		56.031.683.929	56.620.247.846
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	53.098.037.903	53.622.441.102
Nguyên giá	222		87.841.854.217	86.175.011.763
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.743.816.314)	(32.552.570.661)
2. Tài sản cố định vô hình	227		2.933.646.026	2.997.806.744
Nguyên giá	228		4.428.695.278	4.428.695.278
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.495.049.252)	(1.430.888.534)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.8	37.089.878.293	37.568.581.957
1. Nguyên giá	231		40.489.980.027	40.489.980.027
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.400.101.734)	(2.921.398.070)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		81.247.708.724	44.951.482.675
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	81.247.708.724	44.951.482.675
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	16.838.059.596	17.195.670.400
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		13.607.039.596	14.195.670.400
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.231.020.000	3.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.125.741.772	3.191.344.534
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.828.132.017	3.002.660.352
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		297.609.755	188.684.182
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.568.844.963.121	1.276.844.611.709

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TỰ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.212.405.308.282	1.034.982.321.357
I. Nợ ngắn hạn	310		633.726.168.088	607.631.482.638
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	92.478.178.500	21.475.967.639
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		70.814.846.145	54.426.043.777
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	4.564.559.983	17.899.197.362
4. Phải trả người lao động	314		58.715.963.153	66.335.942.818
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	116.784.160.758	117.879.627.616
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	78.578.370.293	88.983.786.671
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.9	210.810.736.214	232.717.785.476
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		979.353.042	7.913.131.279
II. Nợ dài hạn	330		578.679.140.194	427.350.838.719
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		91.365.834.431	102.435.089.930
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.12	-	753.146.009
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	51.642.589.950	72.512.339.950
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.9	435.670.715.813	251.650.262.830
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		356.439.654.838	241.862.290.352
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	356.439.654.838	241.862.290.352
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		276.000.000.000	147.808.800.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		276.000.000.000	147.808.800.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.828.106.500	21.056.596.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.044.291.751	892.363.870
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.204.964.032	38.204.382.285
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.996.335.223	26.042.521.254
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		22.641.096.736	19.263.184.818
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.355.238.487	6.779.336.436
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		6.365.957.332	7.857.626.442
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.568.844.963.121	1.276.844.611.709



Trần Thọ Thắng
Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 25 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Thị Kim Vành
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Diễm Thúy
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	276.736.860.722	208.967.404.235
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	566.291.902	4.453.477.182
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		276.170.568.820	204.513.927.053
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	219.543.249.852	171.124.713.580
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.627.318.968	33.389.213.473
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	4.894.810.512	4.784.713.036
7. Chi phí tài chính	22	6.5	3.083.336.793	3.083.969.303
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		3.029.191.537	3.083.969.303
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(588.630.804)	6.459.736.161
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	7.217.442.899	3.136.771.419
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	24.096.233.165	20.634.586.300
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.536.485.819	17.778.335.648
12. Thu nhập khác	31	6.8	2.589.011.816	2.990.329.781
13. Chi phí khác	32	6.9	1.025.525.961	1.134.354.014
14. Lợi nhuận khác	40		1.563.485.855	1.855.975.767
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.099.971.674	19.634.311.415
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.11	5.587.178.538	4.026.948.688
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		152.132.612	(146.931.086)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.360.660.523	15.754.293.813
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		21.415.238.487	14.808.170.451
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		945.422.036	946.123.362
21. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	5.14.4	821	842



Trần Thọ Thắng
Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 25 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Thị Kim Vành
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Diễm Thúy
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TỰ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.099.971.674	19.634.311.415
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.062.665.870	2.828.581.287
Các khoản dự phòng	03		(183.825.668)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.145.709.509)	(11.404.624.485)
Chi phí lãi vay	06		3.029.191.537	3.083.969.303
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		29.862.293.904	14.142.237.520
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		76.423.694.222	141.132.100.905
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(301.037.115.179)	(142.978.172.265)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		47.244.405.807	(10.500.294.225)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(497.864.135)	(666.225.198)
Tiền lãi vay đã trả	14		(28.860.184.992)	(18.073.959.420)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.604.975.516)	(9.990.612.465)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		14.410.000	11.930.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(11.636.559.289)	(10.327.559.133)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(198.091.895.178)	(37.250.554.281)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(38.490.341.230)	(1.466.712.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		272.727.272	227.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(120.564.660)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	37.200.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.178.340.933	4.717.615.597
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(34.159.837.685)	40.678.175.597

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		99.400.950.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	346.846.471.976	217.969.410.535
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(184.733.068.255)	(174.375.630.938)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(23.783.182.866)	(28.371.403.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		237.731.170.855	15.222.376.197
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		5.479.437.992	18.649.997.513
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		37.468.260.194	43.582.158.574
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70		42.947.698.186	62.232.156.087



Trần Thọ Thắng
Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 25 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Thị Kim Vành
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Diễm Thúy
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 09 – DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư và Xây Dựng Kiên Giang được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000055 ngày 28 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Kiên Giang cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 04 năm 2016.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần gần đây nhất là 276.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 284 người (31/12/2015: 278 người).

Công ty có đầu tư vào 2 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch; đại lý du lịch và điều hành tour du lịch;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sản phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, xây dựng nhà các loại;
- Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng công trình công ích, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; và
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi, và điều hòa không khí,...

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.4. Số lượng các công ty con được hợp nhất

STT	Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1.	Công ty CP SX và KD Vật Liệu Xây Dựng	Số 91 Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	82%	82%
2.	Công ty CP Tư Vấn ĐT XD Nam Việt	Số 79A đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	51%	51%

1.5. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên công ty liên kết	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1.	Công ty CP ĐTPT Hạ Tầng Phú Quốc	Số 143 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	20%	4,75%
2.	Công ty CP PT Đô Thị Kiên Giang	Số 08, Mậu Thân, P. Vĩnh Thanh, TP Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	36,7%	36,7%
3.	Công ty CP Tinh Khôi	P. Thái Hoà, Tx. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	40%	40%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.3. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Dự án bất động sản đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa và xây dựng bao gồm các chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ hoặc dự án dân cư và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
▪ Tài sản cố định hữu hình khác	01- 03 năm

4.7. Tài sản cố định vô hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.8. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9. Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	48 năm
▪ Quyền sử dụng đất	02 – 50 năm
▪ Nhà và quyền sử dụng đất	40 – 50 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.10. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Bên góp vốn ghi nhận tài sản đóng góp cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải thu khác; Bên nhận góp vốn ghi nhận tài sản các bên góp cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải trả khác.

Nguyên tắc phân chia doanh thu, chi phí, sản phẩm của hợp đồng

Căn cứ vào nguyên tắc phân chia trong hợp đồng.

4.11. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Trường hợp khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời hạn xây dựng dưới 12 tháng.

4.12. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong kỳ vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.16. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên doanh liên kết.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.18. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.20. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

4.21. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.24. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ này.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.25. Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con không đưa đến việc mất kiểm soát của Tập đoàn được hạch toán là giao dịch về vốn. Giá trị ghi sổ của Tập đoàn và lợi ích của cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu tương ứng trong công ty con đó. Chênh lệch do điều chỉnh lợi ích của cổ đông không kiểm soát và giá trị hợp lý của khoản thanh toán được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	3.714.487.225	2.221.172.137
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.233.210.961	34.739.088.057
Các khoản tương đương tiền	-	508.000.000
Cộng	42.947.698.186	37.468.260.194

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KIÊN GIANG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá,
Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc khoản đầu tư	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc khoản đầu tư	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty CP ĐT PT Hạ Tầng Phú Quốc	1.000.000.000	967.476.471	1.000.000.000	967.476.471
Công ty CP Phát Triển Đô Thị Kiên Giang	4.469.775.200	12.639.563.125	4.469.775.200	13.228.193.929
Công ty CP Tinh Khô	3.421.805.800	-	3.421.805.800	-
Cộng	8.891.581.000	13.607.039.596	8.891.581.000	14.195.670.400
	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc khoản đầu tư	Dự phòng	Giá gốc khoản đầu tư	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty Cổ phần Xây dựng Kiên Giang	3.231.020.000	-	3.000.000.000	-

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TỰ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu hoạt động kinh doanh bất động sản	43.653.251.698	72.273.276.845
Phải thu hoạt động tư vấn	17.077.059.179	18.816.869.650
Phải thu hoạt động thi công	13.005.187.221	13.641.354.343
Phải thu hoạt động nhà hàng	1.333.911.642	1.125.498.482
Phải thu hoạt động kinh doanh VLXD	23.231.836.936	27.657.156.023
Phải thu khác	1.030.628.837	1.464.172.727
Cộng	99.331.875.513	134.978.328.070

5.4. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu tạm ứng vốn thi công	73.402.996.431	-	47.338.070.465	-
Phải thu Công ty Hoàng Quân	52.343.611.550	-	50.889.824.509	-
Phải thu thuế TNCN	1.377.048.597	-	2.746.836.639	-
Tạm ứng nhân viên	53.321.212.715	-	51.992.466.894	-
Tiền sử dụng đất của các dự án	159.627.460.997	-	220.323.672.002	-
Phải thu TT Phát triển Quỹ đất về tiền đền bù đất dự án An Bình	2.878.526.900	-	18.700.338.300	-
Phải thu tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng	24.000.000.000	-	31.057.000.000	-
Phải thu tiền cổ tức, lợi nhuận được chia	1.204.334.000	-	722.345.000	-
Phải thu khác	19.617.752.848	-	18.126.732.303	-
Cộng	387.772.944.038	-	441.897.286.112	-
Dài hạn:				
Phải thu góp vốn dự án không thành lập pháp nhân	18.261.973.819	-	18.261.973.819	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TỰ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Trong đó, phải thu khác của các bên liên quan - Xem thêm mục 9:

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP PT Đô Thị Kiên Giang	1.048.784.000	-	1.048.784.000	-
Công ty CP ĐTPT Hạ tầng Phú Quốc	14.700.000.000	-	14.700.000.000	-
Công ty CP Tinh Khôi	16.350.946.086	-	16.350.946.086	-
Cộng	32.099.730.086	-	32.099.730.086	-

5.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.106.616.350	-	1.128.372.605	-
Công cụ, dụng cụ	71.861.185	-	89.388.527	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	778.862.853.534	-	455.727.205.202	-
Thành phẩm	1.637.309.240	-	1.666.202.607	-
Hàng hóa	6.248.927.167	-	2.448.289.901	-
Cộng	787.927.567.476	-	461.059.458.842	-

Chi phí lãi vay đã vốn hóa trong kỳ là 22.937.587.667 VND.

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Chi phí đầu tư khu Bà Kèo Phú Quốc	30.831.646.537	30.831.646.537
Chi phí mua nhà Nguyễn Chí Thanh – Phú Quốc	38.498.056.653	7.613.163.146
Chi phí sửa chữa Nhà hàng	2.888.749.215	1.902.174.878
Dự án Nhà máy sản xuất VLXD	9.029.256.319	4.604.498.114
Cộng	81.247.708.724	44.951.482.675

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KIÊN GIANG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá,
Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2016	55.372.482.764	10.219.465.773	17.336.130.229	3.202.452.997	44.480.000	86.175.011.763
Mua trong kỳ	-	1.553.544.272	640.570.909	-	-	2.194.115.181
Thanh lý	-	-	(527.272.727)	-	-	(527.272.727)
Tại ngày 30/06/2016	55.372.482.764	11.773.010.045	17.449.428.411	3.202.452.997	44.480.000	87.841.854.217
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2016	14.705.787.113	7.088.264.700	8.949.303.772	1.764.735.076	44.480.000	32.552.570.661
Khấu hao trong kỳ	905.586.894	667.576.606	847.188.261	99.449.727	-	2.519.801.488
Thanh lý	-	-	(328.555.835)	-	-	(328.555.835)
Tại ngày 30/06/2016	15.611.374.007	7.755.841.306	9.467.936.198	1.864.184.803	44.480.000	34.743.816.314
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2016	40.666.695.651	3.131.201.073	8.386.826.457	1.437.717.921	-	53.622.441.102
Tại ngày 30/06/2016	39.761.108.757	4.017.168.739	7.981.492.213	1.338.268.194	-	53.098.037.903

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2016 của TSCĐ hữu hình đã dùng đảm bảo cho các khoản vay là 30.778.574.546 VND – Xem thêm mục 5.9.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 12.016.076.960 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê:

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2016 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2016 VND
Nguyên giá:				
Nhà	21.259.526.553	-	-	21.259.526.553
Quyền sử dụng đất	7.794.108.349	-	-	7.794.108.349
Cộng	29.053.634.902	-	-	29.053.634.902
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà	2.921.398.070	478.703.664	-	3.400.101.734
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cộng	2.921.398.070	478.703.664	-	3.400.101.734
Giá trị còn lại:				
Nhà	18.338.128.483			17.859.424.819
Quyền sử dụng đất	7.794.108.349			7.794.108.349
Cộng	26.132.236.832			25.653.533.168

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TỰ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Bất động sản nắm giữ chờ tăng giá:

Khoản mục	Tại ngày	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày
	01/01/2016			30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:				
Quyền sử dụng đất	11.436.345.125	-	-	11.436.345.125
Cộng	11.436.345.125	-	-	11.436.345.125
Tồn thất do suy giảm giá trị:				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-
Giá trị còn lại:				
Quyền sử dụng đất	11.436.345.125			11.436.345.125
Cộng	11.436.345.125			11.436.345.125

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2016 của bất động sản đầu tư đã dùng đảm bảo cho các khoản vay là 30.947.096.537 VND – Xem thêm mục 5.9

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KIÊN GIANG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá,
Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.9. Vay

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	183.860.736.214	183.860.736.214	106.611.233.546	130.034.842.808	207.284.345.476	207.284.345.476
Vay khác	3.200.000.000	3.200.000.000	23.800.000.000	22.283.440.000	1.683.440.000	1.683.440.000
Trái phiếu ngắn hạn	23.750.000.000	23.750.000.000	-	-	23.750.000.000	23.750.000.000
Cộng	210.810.736.214	210.810.736.214	130.411.233.546	152.318.282.808	232.717.785.476	232.717.785.476
Vay dài hạn:						
Từ 1 năm đến 5 năm	168.019.231.714	168.019.231.714	80.173.901.000	15.888.205.447	103.733.536.161	103.733.536.161
Trên 5 năm	267.651.484.099	267.651.484.099	136.261.337.430	16.526.580.000	147.916.726.669	147.916.726.669
Cộng	435.670.715.813	435.670.715.813	216.435.238.430	32.414.785.447	251.650.262.830	251.650.262.830

Vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và bổ sung vốn để thực hiện các dự án Tập đoàn đang đầu tư. Các khoản vay này chịu lãi suất từ 5%/năm đến 9,5%/năm và được thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản khác. – Xem thêm mục 5.7 và 5.8.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TỰ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Tàu Cước	17.895.750.000	17.895.750.000	-	-
Tổng Công ty Xây Dựng Lũng Lô	24.785.246.000	24.785.246.000	-	-
Công ty CP vật tư thiết bị Vietship	13.506.863.974	13.506.863.974	-	-
Công ty CP Sông Sài Gòn	7.713.750.000	7.713.750.000	-	-
Công ty CP Xây Dựng Kiên Giang	5.428.342.076	5.428.342.076	6.830.886.968	6.830.886.968
Phải trả cho các đối tượng khác	23.148.226.450	23.148.226.450	14.645.080.671	14.645.080.671
Cộng	92.478.178.500	92.478.178.500	21.475.967.639	21.475.967.639

Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 9:

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP PT Đô Thị Kiên Giang	1.507.249.515	1.507.249.515	720.675.226	720.675.226
Công ty CP ĐTPT Hạ Tầng Phú Quốc	2.374.748	2.374.748	2.374.748	2.374.748
Cộng	1.509.624.263	1.509.624.263	723.049.974	723.049.974

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TỰ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tại ngày 01/01/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2016 VND
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	9.405.080.619	6.797.124.350	15.513.366.537	688.838.432
Thuế TNDN	7.604.975.516	5.582.417.441	9.604.975.516	3.582.417.441
Thuế thu nhập cá nhân	845.320.587	749.258.116	1.343.236.496	251.342.207
Các loại thuế khác	43.820.640	1.014.991.262	1.016.849.999	41.961.903
Cộng	17.899.197.362	14.143.791.169	27.478.428.548	4.564.559.983
Phải thu:				
Thuế TNDN	44.092.785	4.761.097	-	39.331.688
Thuế giá trị gia tăng	-	6.319.931.731	17.833.314.072	11.513.382.341
Các loại thuế khác	16.475.722	170.614.166	154.138.444	-
Cộng	60.568.507	6.495.306.994	17.987.452.516	11.552.714.029
5.12. Chi phí phải trả			Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:				
Chi phí vật tư và nhân công – mảng tư vấn, thiết kế		4.025.678.751	4.229.903.509	4.229.903.509
Chi phí vật tư và nhân công – mảng thi công		104.278.238.368	109.486.632.306	109.486.632.306
Lãi trái phiếu phải trả		2.188.253.441	1.063.219.171	1.063.219.171
Chi phí Dự án An Bình		3.252.176.598	1.041.166.024	1.041.166.024
Chi phí lãi vay trích trước		1.634.074.930	-	-
Các khoản trích trước khác		1.405.738.670	2.058.706.606	2.058.706.606
Cộng		116.784.160.758	117.879.627.616	117.879.627.616
Dài hạn:				
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn chi phí kinh doanh đất		-	-	753.146.009

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.13. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	71.377.600	41.285.240
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	37.784.261	64.523.046
Phải trả các đội thi công tiền vật tư đã ứng trước	68.287.488.829	55.991.170.990
Cổ tức phải trả	3.914.175.418	27.612.758.284
Quý bảo hành tư vấn công trình	2.074.513.310	2.074.513.310
Phải trả bảo lãnh dự thầu	-	1.031.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.193.030.875	2.168.535.801
Cộng	78.578.370.293	88.983.786.671
Dài hạn:		
Nhận góp vốn dự án Bà Kèo Phú Quốc	1.623.249.950	6.492.999.950
Nhận góp vốn dự án An Bình	50.019.340.000	66.019.340.000
Cộng	51.642.589.950	72.512.339.950

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KIÊN GIANG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá,
Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.14. Vốn chủ sở hữu

5.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	147.808.800.000	21.056.596.500	-	35.337.117.847	21.590.782.433	5.974.955.138	231.768.251.918
Tăng vốn	-	-	892.363.870	(892.363.870)	-	323.800.000	323.800.000
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	14.808.170.452	946.123.362	15.754.293.814
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	1.033.295.353	(1.033.295.353)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(5.291.469.836)	(167.338.117)	(5.458.807.953)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(91.800.000)	(88.200.000)	(180.000.000)
Giảm khác	-	-	-	115.732.145	233.053.392	(570.716.459)	(221.930.922)
Số dư tại ngày 30/06/2015	147.808.800.000	21.056.596.500	892.363.870	35.593.781.475	30.215.441.088	6.418.623.924	241.985.606.857
Tăng vốn	-	-	-	-	-	1.292.600.000	1.292.600.000
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	35.232.362.867	1.092.134.603	36.324.497.470
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	2.833.417.415	(2.833.417.415)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(11.064.872.136)	(295.252.349)	(11.360.124.485)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(26.513.783.787)	(766.897.703)	(27.280.681.490)
Tăng khác	-	-	-	-	1.514.475.437	22.882.325	1.537.357.762
Giảm khác	-	-	-	(222.816.605)	(507.684.800)	93.535.642	(636.965.763)
Số dư tại ngày 01/01/2016	147.808.800.000	21.056.596.500	892.363.870	38.204.382.285	26.042.521.254	7.857.626.442	241.862.290.352

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KIÊN GIANG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá,
Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2016	147.808.800.000	21.056.596.500	892.363.870	38.204.382.285	26.042.521.254	7.857.626.442	241.862.290.352
Tăng vốn	128.191.200.000	771.510.000	-	(29.561.760.000)	-	-	99.400.950.000
Giảm vốn	-	-	-	-	-	(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	21.415.238.486	945.422.035	22.360.660.522
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	248.329.248	(248.329.248)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(5.481.654.593)	(146.494.569)	(5.628.149.162)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(43.146.000)	(41.454.000)	(84.600.000)
Tăng khác	-	-	151.927.881	314.012.499	388.808.316	(854.748.695)	-
Giảm khác	-	-	-	-	(77.102.993)	(94.393.881)	(171.496.873)
Số dư tại ngày 30/06/2016	276.000.000.000	21.828.106.500	1.044.291.751	9.204.964.032	41.996.335.223	6.365.957.332	356.439.654.838



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TỰ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.14.2. Chi tiết vốn góp của cổ đông

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng HUD Kiên Giang	34.506.600.000	28.755.500.000
Công đoàn Công ty CP Du Lịch Hòa Bình Việt Nam	28.000.000.000	14.804.880.000
Công ty TNHH Chứng Khoán ACB	15.000.000.000	-
Vốn góp của các cổ đông khác	198.493.400.000	104.248.420.000
Cộng	276.000.000.000	147.808.800.000

5.14.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	27.600.000	14.780.880
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	27.600.000	14.780.880
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	27.600.000	14.780.880

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

5.14.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng phúc lợi	16.732.511.361	12.438.863.179
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	20.375.966	14.780.880
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	821	842

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu thi công	13.921.471.491	15.186.518.170
Doanh thu kinh doanh bất động sản	188.544.548.682	102.363.565.793
Doanh thu tư vấn, thiết kế, giám sát	14.377.482.355	25.794.869.719
Doanh thu bán hàng hóa	36.052.655.513	46.123.350.538
Doanh thu kinh doanh nhà hàng	20.984.513.772	17.953.930.095
Doanh thu hoạt động khác	2.856.188.909	1.545.169.920
Cộng	276.736.860.722	208.967.404.235

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TỰ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giảm giá hàng bán	59.680.210	1.180.161.203
Hàng bán bị trả lại	506.611.692	3.273.315.979
Cộng	566.291.902	4.453.477.182

6.3. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn thi công	13.775.298.226	13.699.710.736
Giá vốn kinh doanh bất động sản	151.841.245.202	85.251.537.335
Giá vốn cung cấp dịch vụ tư vấn	10.144.661.093	19.548.435.282
Giá vốn thương mại	28.425.200.047	40.058.155.500
Giá vốn kinh doanh nhà hàng	14.827.241.252	12.088.171.063
Giá vốn khác	529.604.032	478.703.664
Cộng	219.543.249.852	171.124.713.580

6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.270.140.933	4.717.614.448
Cổ tức, lợi nhuận được chia	390.189.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	234.480.579	67.098.588
Cộng	4.894.810.512	4.784.713.036

6.5. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	3.029.191.537	3.083.969.303
Chi phí tài chính khác	54.145.256	-
Cộng	3.083.336.793	3.083.969.303

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.6. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	2.221.667.448	1.496.908.509
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	319.528.654	59.886.814
Chi phí khấu hao TSCĐ	191.096.693	107.068.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.129.131.703	1.063.123.806
Chi phí bằng tiền khác	356.018.401	409.784.232
Cộng	7.217.442.899	3.136.771.419

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.463.185.365	13.280.385.055
Chi phí vật liệu quản lý	32.135.350	35.757.858
Chi phí đồ dùng văn phòng	730.982.838	538.899.898
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.720.939.602	1.704.336.831
Thuế, phí và lệ phí	3.200.000	7.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.379.698.791	742.415.625
Chi phí bằng tiền khác	4.917.981.619	4.317.721.757
Hoàn nhập dự phòng	(151.890.400)	7.569.276
Cộng	24.096.233.165	20.634.586.300

6.8. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu tiền phạt, tiền bồi thường	235.090.304	59.898.000
Thu tiền bán hồ sơ đấu thầu	278.819.293	336.363.666
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	74.010.380	227.272.727
Thu nhập từ hoạt động cho thuê lại kho	345.678.000	414.461.250
Chiết khấu mua hàng	685.666.825	1.010.755.422
Thu nhập khác	969.747.014	941.578.716
Cộng	2.589.011.816	2.990.329.781

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TỰ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.9. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Xử lý công trình đã quyết toán	297.614.261	-
Chi phí bán hồ sơ thầu	242.197.016	336.349.202
Chi phí cho thuê kho	429.113.997	490.204.055
Các khoản khác	56.600.687	307.800.757
Cộng	1.025.525.961	1.134.354.014

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	385.332.012.251	213.527.478.304
Chi phí nhân công	171.031.739.783	109.608.767.883
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.062.665.870	2.828.581.287
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.638.141.100	5.607.274.954
Chi phí khác bằng tiền	6.699.759.143	12.157.104.629
Cộng	577.764.318.147	343.729.207.057

6.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	28.099.971.674	19.634.311.415
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	381.274.797	1.590.472.043
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(390.189.000)	(2.571.040.922)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	28.091.057.471	18.653.742.536
Trừ thu nhập khác được ưu đãi, chịu thuế suất khác thuế suất phổ thông	(310.329.554)	(3.843.733.490)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chịu thuế suất phổ thông	27.780.727.917	14.810.009.046
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chịu thuế suất phổ thông	5.556.145.583	3.258.201.990
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chịu thuế suất khác thuế suất phổ thông	31.032.955	768.746.698
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	5.587.178.538	4.026.948.688

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TỰ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	346.846.471.976

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(184.733.068.255)

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Bất động sản
- Thi công, xây lắp
- Tư vấn, thiết kế, giám sát công trình
- Kinh doanh ăn uống – nhà hàng
- Thương mại – kinh doanh vật liệu xây dựng
- Các dịch vụ khác : cho thuê nhà, tài chính...

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN
GIANG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá,
Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Kỳ này	Bất động sản	Thi công	Tư vấn, thiết kế, giám sát	Nhà hàng	Thương mại	Hoạt động khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu							
Từ khách hàng bên ngoài	188.544.548.682	13.355.179.589	14.377.482.355	20.984.513.772	36.052.655.513	2.856.188.909	276.170.568.820
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất							
Kết quả của bộ phận	36.137.011.578	146.173.265	4.232.821.262	6.157.272.520	7.627.455.466	2.326.584.877	56.627.318.968
Chi phí bán hàng	4.917.341.009	363.079.300	374.972.303	547.287.158	940.272.220	74.490.909	7.217.442.899
Chi phí QLDN	16.417.088.042	1.212.180.489	1.251.886.598	1.827.178.842	3.139.203.036	248.696.158	24.096.233.165
Doanh thu tài chính							4.894.810.512
Chi phí tài chính							3.083.336.793
Thu nhập khác							2.589.011.816
Chi phí khác							1.025.525.961
Phần lãi trong công ty liên kết							(588.630.804)
Lợi nhuận trước thuế							28.099.971.674
Chi phí thuế TNDN hiện hành							5.587.178.538
Chi phí thuế TNDN hoãn lại							152.132.612
Lợi nhuận sau thuế							22.360.660.523

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN
GIANG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá,
Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

**Các thông tin khác
Tại ngày 30/06/2016**

	Bất động sản	Thi công	Tư vấn, thiết kế, giám sát	Nhà hàng	Thương mại	Hoạt động khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	1.188.292.834.960	87.739.396.023	83.131.601.715	132.253.875.992	69.075.117.772	8.352.136.658	1.568.844.963.121
Nợ phải trả bộ phận	918.307.732.538	67.804.638.256	65.001.581.514	102.205.242.183	40.833.391.993	18.252.721.798	1.212.405.308.282

Kỳ này

	Bất động sản	Thi công	Tư vấn, thiết kế, giám sát	Nhà hàng	Thương mại	Hoạt động khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi phí mua sắm tài sản cố định	30.218.300.922	2.231.213.884	1.579.272.449	3.363.217.639	640.570.909	457.765.428	38.490.341.230
Chi phí khấu hao	1.902.118.693	140.445.806	99.408.754	211.700.822	680.177.330	28.814.465	3.062.665.870

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN
GIANG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá,
Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2015

Kỳ trước	Bất động sản	Thi công	Tư vấn, thiết kế, giám sát	Nhà hàng	Thương mại	Hoạt động khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu							
Từ khách hàng bên ngoài	98.876.232.181	14.282.615.628	25.732.628.691	17.953.930.095	46.123.350.538	1.545.169.920	204.513.927.053
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất							
Kết quả của bộ phận	13.624.694.846	582.904.892	6.184.193.409	5.865.759.032	6.065.195.038	1.066.466.256	33.389.213.473
Chi phí bán hàng	1.516.533.097	219.062.345	394.679.108	275.371.832	707.425.699	23.699.339	3.136.771.419
Chi phí QLDN	9.976.191.721	1.441.055.233	2.596.312.902	1.811.475.264	4.653.650.100	155.901.080	20.634.586.300
Doanh thu tài chính							4.784.713.036
Chi phí tài chính							3.083.969.303
Thu nhập khác							2.990.329.781
Chi phí khác							1.134.354.014
Phần lãi trong công ty liên kết							6.459.736.161
Lợi nhuận trước thuế							19.634.311.415
Chi phí thuế TNDN hiện hành							4.026.948.688
Chi phí thuế TNDN hoãn lại							(146.931.086)
Lợi nhuận sau thuế							15.754.293.813

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN
GIANG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá,
Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

**Các thông tin khác
Tại ngày 01/01/2016**

	Bất động sản	Thi công	Tư vấn, thiết kế, giám sát	Nhà hàng	Thương mại	Hoạt động khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	882.783.082.293	111.702.428.554	130.169.365.216	100.951.631.238	45.210.364.204	6.027.740.204	1.276.844.611.709
Nợ phải trả bộ phận	724.695.010.711	91.698.849.107	106.721.170.270	82.873.295.772	24.045.698.074	4.948.297.424	1.034.982.321.357

Kỳ trước

	Bất động sản	Thi công	Tư vấn, thiết kế, giám sát	Nhà hàng	Thương mại	Hoạt động khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi phí mua sắm tài sản cố định	503.287.846	74.667.094	84.014.424	88.273.545	1.274.712.727	7.597.090	2.032.552.727
Chi phí khấu hao	1.459.594.421	216.543.426	243.651.790	256.003.745	630.755.442	22.032.462	2.828.581.287

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty CP SX và KD Vật Liệu Xây Dựng	Công ty con
2. Công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Nam Việt	Công ty con
3. Công ty CP ĐTPT Hạ tầng Phú Quốc	Công ty liên kết
4. Công ty CP Tỉnh Khôi	Công ty liên kết
5. Công ty CP PT Đô Thị Kiên Giang	Công ty liên kết
6. Hội đồng quản trị Tập đoàn và Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2016 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u>
Phải thu khác – Xem thêm mục 5.4:		
Công ty CP PT Đô Thị Kiên Giang	1.048.784.000	1.048.784.000
Công ty CP ĐTPT Hạ tầng Phú Quốc	14.700.000.000	14.700.000.000
Công ty CP Tỉnh Khôi	16.350.946.086	16.350.946.086
Cộng	<u>32.099.730.086</u>	<u>32.099.730.086</u>
	<u>Tại ngày 30/06/2016 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u>
Phải trả người bán - Xem thêm mục 5.10:		
Công ty CP PT Đô Thị Kiên Giang	(1.507.249.515)	(720.675.226)
Công ty CP ĐTPT Hạ tầng Phú Quốc	(2.374.748)	(2.374.748)
Cộng	<u>(1.509.624.263)</u>	<u>(723.049.974)</u>

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Mua hàng:		
Công ty CP PT Đô Thị Kiên Giang	4.605.969	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh,
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được chi tiết như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thù lao Hội đồng quản trị của Tập đoàn	1.456.835.000	1.139.686.379
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn	3.283.837.185	4.226.018.426
Cộng	<u>4.740.672.185</u>	<u>5.365.704.805</u>

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được phân loại lại vì Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tin rằng việc phân loại lại sẽ cung cấp thông tin hữu ích hơn cho người đọc.


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (Trích)

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Chi phí lãi vay	3.083.969.303	12.711.559.225
Tăng, giảm hàng tồn kho	(142.978.172.265)	(152.605.762.187)

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016 được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt và phát hành vào ngày 25 tháng 08 năm 2016.




Trần Thọ Thắng
Tổng giám đốc
Kiên Giang, ngày 25 tháng 08
năm 2016


Nguyễn Thị Kim Vành
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Diễm Thúy
Người lập

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building
140 Nguyen Van Thu Street, Da Kao Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

T +848 3827 5026
F +848 3827 5027

Ha Noi Office
7th Floor, Lotus Building, 2 Duy Tan Street
Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

T +844 3795 5353
F +844 3795 5252

Central Office
197 Le Dinh Ly Street, Hoa Thuan Tay Ward
Hai Chau District, Da Nang, Vietnam

T +84 511 363 3334
F +84 511 363 3334

